Biểu mẫu số 14: Thuyết minh dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia/Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**THUYẾT MINH DỰ THẢO**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**Dự thảo TCVN “Giống cây trồng nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 17: Giống cải ngọt”**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tổ chức chủ trì biên soạn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Thời gian xây dựng: Năm 2024 – 2025.

**II. TÓM TẮT TÌNH HÌNH ĐỐI TƯỢNG TCVN; LÝ DO VÀ MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG**

**1. Tình hình đối tượng TCVN**

Cải ngọt là một trong những loài rau ăn lá ngắn ngày quan trọng trong cơ cấu sản xuất rau tại Việt Nam. Đây là loại cây trồng có giá trị dinh dưỡng cao, dễ tiêu thụ và phù hợp với nhiều hình thức canh tác, từ quy mô hộ gia đình đến sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa, rau an toàn và hữu cơ. Cải ngọt được gieo trồng quanh năm, nhưng phát triển tốt nhất vào vụ đông xuân và vụ thu đông tại các vùng khí hậu ôn hòa như đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên, Lâm Đồng, và một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

a) Tình hình sản xuất và công tác chọn tạo giống cải ngọt tại Việt Nam

Trong những năm gần đây, diện tích trồng cải ngọt có xu hướng tăng nhờ nhu cầu tiêu thụ lớn và lợi nhuận cao so với nhiều loại rau ngắn ngày khác. Nhiều địa phương đã quy hoạch vùng trồng cải ngọt chuyên canh phục vụ thị trường đô thị, bếp ăn công nghiệp và chuỗi siêu thị. Theo thống kê của một số Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cải ngọt chiếm khoảng 10–15% diện tích gieo trồng rau ăn lá tại các vùng rau lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng.

Công tác chọn tạo giống cải ngọt hiện nay đang được đẩy mạnh ở cả khu vực nhà nước và tư nhân. Nhiều viện nghiên cứu và doanh nghiệp giống đã nghiên cứu thành công các dòng cải ngọt lai F1 có đặc điểm ưu việt như: sinh trưởng nhanh (30–35 ngày), năng suất cao (10–15 tấn/ha), kháng sâu bệnh tốt, hình thái đẹp, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Một số giống còn được nghiên cứu chuyên biệt cho sản xuất rau an toàn và hữu cơ. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy các giống cải ngọt trên thị trường vẫn chưa có sự thống nhất rõ ràng về nguồn gốc, tên gọi, và đặc điểm giống, do thiếu cơ chế kiểm soát, đánh giá và phân biệt giống một cách khoa học và hợp pháp.

Trong khi nhu cầu đăng ký bảo hộ giống cải ngọt đang gia tăng, đặc biệt từ phía các doanh nghiệp trong nước có hoạt động nghiên cứu giống hoặc chuyển giao công nghệ, thì công tác thẩm định và cấp bằng bảo hộ vẫn còn gặp nhiều vướng mắc. Hiện tại, Việt Nam chưa có Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) hướng dẫn cụ thể việc khảo nghiệm tính khác biệt, đồng nhất và ổn định (DUS) đối với giống cải ngọt – một yêu cầu bắt buộc trong việc cấp bằng bảo hộ giống cây trồng mới theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Công ước UPOV 1991. Việc này gây khó khăn trong xác lập quyền, đồng thời tạo khoảng trống trong công tác quản lý giống cây trồng, nhất là đối với các giống mới chưa phổ biến rộng rãi.

b) Nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế đối với cải ngọt

Về thị trường trong nước, cải ngọt là một trong những loại rau có lượng tiêu thụ lớn và ổn định. Với xu hướng tiêu dùng rau sạch, an toàn và hữu cơ ngày càng gia tăng tại các đô thị lớn, cải ngọt trở thành đối tượng chủ lực trong các mô hình canh tác theo hướng VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ. Người tiêu dùng có yêu cầu cao hơn về chất lượng, hình thức sản phẩm, độ đồng đều và an toàn vệ sinh thực phẩm. Điều này tạo áp lực cho nhà sản xuất phải sử dụng giống có chất lượng cao, nguồn gốc rõ ràng, được bảo hộ và kiểm soát tốt.

Về thị trường quốc tế, cải ngọt là loại rau phổ biến trong ẩm thực các nước châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và một số nước Đông Nam Á. Đây cũng là nhóm sản phẩm được các doanh nghiệp xuất khẩu lựa chọn đưa vào các thị trường ngách cho cộng đồng người châu Á tại châu Âu và Bắc Mỹ. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu xuất khẩu chính ngạch, việc sử dụng giống có bản quyền, được kiểm định và bảo hộ là điều kiện tiên quyết. Trong khi đó, Việt Nam hiện chưa có Tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS giống cải ngọt, gây khó khăn cho quá trình bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ khi đưa sản phẩm ra thị trường quốc tế.

**2. Lý do và mục đích xây dựng TCVN**

a) Lý do

- Đáp ứng yêu cầu pháp lý và cam kết quốc tế Việt Nam là thành viên chính thức của Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV) từ năm 2006 và cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của Công ước UPOV 1991. Theo Công ước này, để được cấp bằng bảo hộ giống cây trồng mới, giống đó phải trải qua khảo nghiệm DUS – tức phải được chứng minh có tính khác biệt (Distinctness), tính đồng nhất (Uniformity) và tính ổn định (Stability). Tuy nhiên, hiện nay UPOV chưa ban hành tài liệu hướng dẫn khảo nghiệm DUS cho giống cải ngọt, và Việt Nam cũng chưa có Tiêu chuẩn quốc gia nào tương ứng. Điều này dẫn đến khoảng trống pháp lý và kỹ thuật trong quá trình tiếp nhận, xử lý đơn đăng ký bảo hộ giống cải ngọt mới, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của tổ chức, cá nhân chọn tạo giống. Việc thiếu một tiêu chuẩn kỹ thuật chính thức về khảo nghiệm DUS khiến các giống mới bị chậm trễ trong việc cấp bằng bảo hộ, hạn chế khả năng thương mại hóa, chuyển giao và phát triển giống.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về giống cây trồng: Việc chưa có tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS khiến cơ quan quản lý gặp khó khăn trong việc thẩm định, phân biệt các giống cải ngọt được biết đến rộng rãi với các giống đang đăng ký bảo hộ, đặc biệt khi có tranh chấp về quyền đối với giống cây trồng. Hệ thống khảo nghiệm hiện nay mới chỉ tập trung vào một số loài cây trồng chính như lúa, ngô, chưa bao phủ được các loài rau màu. Việc thiếu tiêu chuẩn DUS làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng hệ thống khảo nghiệm chuyên nghiệp, làm chậm tiến độ thẩm định, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý và quyền lợi của tác giả giống cây trồng.

- Phù hợp với yêu cầu hội nhập, thương mại hóa giống và xuất khẩu: Trong xu thế hội nhập và tiêu chuẩn hóa sản phẩm nông nghiệp, giống cây trồng – đặc biệt là các giống rau như cải ngọt – ngày càng phải đáp ứng các yêu cầu khắt khe từ phía thị trường, đặc biệt là khi tham gia các chuỗi cung ứng quốc tế. Việc có một hệ thống tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS chính thức không chỉ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, mà còn giúp chứng minh nguồn gốc giống minh bạch, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và bảo hộ giống tại thị trường nước ngoài.

b) Mục đích

- Thiết lập hành lang pháp lý và kỹ thuật cho công tác khảo nghiệm DUS giống cải ngọt: TCVN về khảo nghiệm DUS đối với giống cải ngọt sẽ là tài liệu chính thức quy định các yêu cầu, phương pháp và tiêu chí kỹ thuật để đánh giá một giống cải ngọt mới có đủ điều kiện được cấp bằng bảo hộ hay không. Đây là căn cứ để các cơ quan chức năng, tổ chức khảo nghiệm và các bên liên quan triển khai hoạt động khảo nghiệm một cách thống nhất, minh bạch và đúng quy định.

- Làm cơ sở để xử lý hồ sơ đăng ký bảo hộ giống cải ngọt: Việc có TCVN DUS sẽ giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, giảm sự phụ thuộc vào tài liệu nước ngoài hoặc tài liệu không chính thức, đảm bảo tính khách quan trong quá trình thẩm định, nâng cao hiệu quả công tác cấp bằng bảo hộ giống cây trồng.

- Tăng cường năng lực hệ thống khảo nghiệm trong nước: Tiêu chuẩn sẽ là căn cứ để công nhận các tổ chức khảo nghiệm DUS giống cải ngọt, đào tạo cán bộ chuyên môn, thiết lập hệ thống cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật phù hợp với đặc thù của loài cây trồng này. Qua đó, góp phần xây dựng một hệ thống khảo nghiệm bài bản, chuyên nghiệp, từng bước tự chủ kỹ thuật trong nước.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo và thương mại hóa giống: Tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng là cơ sở để các nhà chọn giống yên tâm đầu tư nghiên cứu, chọn tạo giống mới, đồng thời tạo điều kiện để thương mại hóa giống thông qua chuyển giao, hợp tác sản xuất, nhân giống. Điều này góp phần nâng cao giá trị kinh tế của ngành sản xuất rau và tạo động lực phát triển bền vững.

- Tăng cường hội nhập quốc tế và hợp tác song phương và đa phương trong bảo hộ giống cây trồng: TCVN khảo nghiệm DUS giống cải ngọt sẽ là căn cứ để Việt Nam tham gia trao đổi, công nhận kết quả khảo nghiệm DUS với các quốc gia thành viên UPOV, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo hộ và thương mại hóa giống cải ngọt ra thị trường khu vực và thế giới.

**II. GIẢI THÍCH NHỮNG NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO TCVN**

**1. Tóm tắt phần chính của Tiêu chuẩn**

Giống cây trồng nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (DUS) – Phần 17: Giống Cải ngọt

1 Phạm vi áp dụng

2 Tài liệu viện dẫn

3 Thuật ngữ và định nghĩa

3.1 Giống khảo nghiệm (Candidate varieties)

3.2 Giống điển hình (Example varieties)

3.3 Giống tương tự (Similar varieties)

3.4 Tính trạng đặc trưng (Characteristics)

3.5 Cây khác dạng (Off - type)

4 Các từ viết tắt

5 Yêu cầu kỹ thuật

5.1 Yêu cầu về các tính trạng đặc trưng của giống

5.1.1 Yêu cầu về các tính trạng đặc trưng của giống

5.1.2 Bảng các tính trạng đặc trưng của giống cải ngọt

5.2 Yêu cầu về phương pháp khảo nghiệm

5.2.1 Yêu cầu vật liệu khảo nghiệm

5.2.2 Phân nhóm giống khảo nghiệm

5.2.3 Yêu cầu về khảo nghiệm

5.2.4 Phương pháp đánh giá

5.2.4.1 Đánh giá tính khác biệt

5.2.4.2 Đánh giá tính đồng nhất

5.2.4.3 Đánh giá tính ổn định

6. Cơ sở vật chất, trang thiết bị để khảo nghiệm

Phụ lục A (tham khảo): Giải thích, minh hoạ và hướng dẫn theo dõi một số tính trạng.

Phụ lục B (quy định): Tờ khai kỹ thuật khảo nghiệm DUS giống cải ngọt

Phụ lục C (tham khảo): Quy trình kỹ thuật canh tác

**2. Giải thích những quy định trong Tiêu chuẩn** (*Giải thích, làm rõ căn cứ khoa học và thực tiễn của những chỉ tiêu/quy định tại phần nội dung kỹ thuật của dự thảo; Tổng hợp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; đánh giá thực trạng, tiến hành lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áo dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật; phân tích, đánh giá mức độ rủi ro của đối tượng quản lý để xác định phương thức quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn*)

**2.1. Căn cứ khoa học và thực tiễn đối với các nội dung của dự thảo**

a) Căn cứ khoa học

Dự thảo tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống hướng dẫn kỹ thuật của Tổ chức quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV), gồm:

- TG/1/3 – Hướng dẫn chung về khảo nghiệm DUS và xây dựng bảng mô tả giống một cách hài hòa.

- TGP/8/1 – Phương pháp bố trí thí nghiệm và các biện pháp kỹ thuật trong khảo nghiệm.

- TGP/9/1, 10/1, 11/1 – Hướng dẫn cụ thể đánh giá tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định.

Các tài liệu trên đảm bảo rằng quy trình khảo nghiệm được xây dựng theo nguyên tắc khoa học, chuẩn hóa và có khả năng tích hợp với hệ thống quốc tế. Ngoài ra, cấu trúc bảng tính trạng và phương pháp đánh giá cũng sử dụng mã hóa, ký hiệu, phương pháp theo dõi, đánh giá các tính trạng (VG, VS, MS, MG…) thống nhất với hệ thống của UPOV, giúp đảm bảo tính khách quan, dễ dàng và thuận lợi trong quá trình tổng hợp số liệu, xây dựng báo cáo khảo nghiệm DUS.

b) Căn cứ thực tiễn:

Việc xây dựng dự thảo TCVN khảo nghiệm DUS giống cải ngọt được thực hiện trên cơ sở khảo sát, thu thập và tổng hợp thực tiễn canh tác, sản xuất và chọn tạo giống cải ngọt tại Việt Nam. Cụ thể:

- Cải ngọt là cây trồng phổ biến tại cả ba miền, được trồng quanh năm, nhất là trong các vùng rau chuyên canh như Hà Nội, Lâm Đồng, TP. HCM, Cần Thơ…

- Nhiều giống cải ngọt đã và đang được chọn tạo, lai tạo trong nước với các đặc điểm khác biệt về hình thái, thời gian sinh trưởng, khả năng kháng bệnh, chất lượng thương phẩm.

- Thực tế tiếp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cải ngọt cho thấy sự đa dạng của nguồn giống.

- Hiện chưa có tài liệu DUS chính thức nào của UPOV áp dụng cho cải ngọt, cũng như chưa có TCVN tương đương, gây khó khăn trong việc cấp bằng bảo hộ giống.

**2.2. Khảo sát thực địa phục vụ xây dựng nội dung dự thảo TCVN**

Để xây dựng bảng tính trạng đặc trưng, Ban soạn thảo đã thực hiện khảo sát thực tế các giống cải ngọt đang được sản xuất phổ biến trong nước và tham khảo cơ sở dữ liệu giống tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống (Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Trung tâm Tài nguyên thực vật, các doanh nghiệp giống như Công ty TNHH Hạt giống Tân Lộc Phát, Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Trang Việt...).

a) Căn cứ lựa chọn tính trạng

Các tính trạng được lựa chọn đưa vào bảng tính trạng đặc trưng dựa trên 3 nguyên tắc:

- Tính di truyền ổn định và ít chịu ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh (ví dụ: màu sắc thân mầm, hình dạng phiến lá);

- Có khả năng quan sát hoặc đo lường được bằng phương pháp khách quan, khoa học (chiều dài lá, thời gian ra hoa…);

- Có tính phân biệt rõ ràng giữa các giống (nhằm phục vụ mục tiêu phân biệt giống trong khảo nghiệm DUS).

Bảng tính trạng trong dự thảo bao gồm 31 tính trạng, trong đó có cả tính trạng định tính (PQ), định lượng (QN) và giả định tính (QL), sử dụng các mã số theo thang điểm UPOV để đảm bảo chuẩn hóa và khả năng tích hợp với hệ thống quốc tế.

b) Phân loại và minh họa tính trạng

- Các tính trạng được phân theo loại (VG, VS, MS, MG...) và được ghi chú rõ ràng trong bảng cùng phương pháp quan sát (trực quan hoặc đo đếm), hình thức ghi nhận (cá thể hay nhóm), kết hợp với minh họa trong Phụ lục A để giúp cán bộ khảo nghiệm dễ dàng nhận diện và thực hiện đánh giá.

- Một số tính trạng đặc biệt quan trọng và được đánh dấu (\*) để đảm bảo luôn phải sử dụng trong mô tả giống, gồm: màu sắc thân mầm, kiểu sinh trưởng cây, màu sắc lá, hình dạng phiến lá, màu hoa, mặt cắt gân lá…

c) Khả năng ứng dụng trong thực tiễn

Bảng tính trạng được xây dựng vừa đảm bảo tính khoa học, vừa phù hợp với điều kiện sản xuất, khảo nghiệm tại Việt Nam. Ví dụ:

- Thời gian ra hoa, thu hoạch: đo đếm cụ thể theo số ngày từ gieo;

- Kích thước lá, tán lá: đo bằng thước trên đồng ruộng;

- Màu sắc: có thể đối chiếu bảng so màu chuẩn, phù hợp điều kiện ánh sáng tự nhiên.

Các nội dung kỹ thuật trong Dự thảo TCVN DUS giống cải ngọt được xây dựng chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tiễn và có khả năng ứng dụng cao. Việc ban hành tiêu chuẩn này sẽ tạo nền tảng quan trọng để triển khai khảo nghiệm DUS, thẩm định và bảo hộ giống cải ngọt một cách minh bạch, chính xác, phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu thực tiễn trong nước.

**3. Tính ưu việt và những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo**

**3.1. Tính ưu việt của dự thảo Tiêu chuẩn**

- Lần đầu tiên xây dựng tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS dành riêng cho giống cải ngọt tại Việt Nam: Dự thảo lấp đầy khoảng trống kỹ thuật và pháp lý trong hoạt động khảo nghiệm, thẩm định và bảo hộ giống cải ngọt – một loài rau ngắn ngày có giá trị kinh tế cao, được trồng phổ biến trên phạm vi cả nước.

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, hài hòa với hệ thống UPOV: Cấu trúc, phương pháp đánh giá và quy trình khảo nghiệm tuân thủ theo hướng dẫn TG/1/3, TGP/8, TGP/9, TGP/10, TGP/11 của UPOV. Điều này giúp Việt Nam tăng cường khả năng công nhận lẫn nhau trong khảo nghiệm DUS, thuận lợi cho xuất khẩu giống và hội nhập quốc tế.

- Bảng tính trạng đặc trưng toàn diện, khoa học và dễ áp dụng: Với 31 tính trạng được lựa chọn dựa trên khảo sát thực tế và phân tích chuyên môn, bảng tính trạng phản ánh đầy đủ sự đa dạng hình thái và khả năng phân biệt giữa các giống cải ngọt, đồng thời được minh họa rõ trong phụ lục kỹ thuật.

- Quy định chi tiết về vật liệu khảo nghiệm và điều kiện thực hiện: Dự thảo quy định rõ số lượng hạt giống, chất lượng vật liệu, bố trí thí nghiệm, yêu cầu về cơ sở vật chất – tạo cơ sở đồng bộ trong tổ chức khảo nghiệm giữa các đơn vị.

- Phù hợp với năng lực tổ chức khảo nghiệm trong nước: Cách bố trí thí nghiệm, quy mô, phương pháp đánh giá đã được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi triển khai.

**3.2 Những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo**

Nhằm hoàn thiện Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về “Giống cây trồng nông nghiệp – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 17: Giống cải ngọt”, các cơ quan, tổ chức và cá nhân được đề nghị tập trung góp ý vào các nội dung chính sau:

a) Tính đầy đủ, hợp lý và khả thi của bảng tính trạng đặc trưng

- Số lượng tính trạng (31 tính trạng) có phản ánh đầy đủ các đặc điểm hình thái và sinh học quan trọng để phân biệt giữa các giống cải ngọt đang lưu hành hoặc đăng ký bảo hộ.

- Các tính trạng định tính, định lượng, giả chất lượng đã phù hợp chưa. Có nên đề xuất bổ sung/bỏ bớt tính trạng nào không.

- Cách phân loại mã số trạng thái biểu hiện, thang điểm (1–9) và cách ghi nhận (VG, VS, MS, MG...) có dễ hiểu và phù hợp với điều kiện triển khai tại đơn vị không?

\* Gợi ý: Đặc biệt chú ý các tính trạng đánh dấu (\*), vì đây là các tính trạng bắt buộc phải sử dụng trong Bảng tính trạng đặc trưng của giống và trong cả hai vụ khảo nghiệm.

b) Yêu cầu về vật liệu khảo nghiệm và giống tương tự

- Mức số lượng hạt giống khảo nghiệm (≥200g) và yêu cầu về chất lượng mẫu có phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế của tác giả giống không.

- Quy định về việc đề xuất giống tương tự và so sánh với giống khảo nghiệm trong tờ khai kỹ thuật có rõ ràng, dễ áp dụng không.

c) Quy định bố trí thí nghiệm và phương pháp khảo nghiệm

- Diện tích tối thiểu (100 m²), số cây tối thiểu (60 cây), 2 lần nhắc lại và mật độ trồng có hợp lý, phù hợp với điều kiện ruộng khảo nghiệm hiện nay không.

- Phương pháp đánh giá tính khác biệt, đồng nhất và ổn định có rõ ràng, dễ áp dụng không.

d) Các phụ lục và biểu mẫu đính kèm

- Tờ khai kỹ thuật (Phụ lục B) có dễ sử dụng, đầy đủ và cần bổ sung thông tin gì không.

- Phụ lục A đã minh họa rõ ràng cách theo dõi, đánh giá các tính trạng chưa.

- Phụ lục C về quy trình kỹ thuật canh tác có phù hợp với các vùng sản xuất thực tế hay cần điều chỉnh hay không.

đ) Ngôn ngữ và cách diễn đạt trong tiêu chuẩn

- Cách trình bày, diễn giải các thuật ngữ chuyên môn, ký hiệu có rõ ràng, nhất quán và dễ hiểu đối với cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp giống, tổ chức khảo nghiệm không.

- Cần rà soát các lỗi đánh máy, từ ngữ chưa thống nhất giữa phần kỹ thuật và phụ lục hay không.

***Lưu ý chung khi góp ý:***

- Góp ý cần ghi rõ điểm chưa phù hợp, đề xuất sửa đổi cụ thể, và nêu lý do.

- Khuyến khích gửi kèm minh họa, ví dụ thực tiễn (nếu có), đặc biệt với các tính trạng về hình thái hoặc kinh nghiệm thực tế.